



**CÁC TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ
VỀ BIỆN PHÁP KIỂM DỊCH THỰC VẬT**

TIÊU CHUẨN SỐ 23

**HƯỚNG DẪN KIỂM TRA KIỂM DỊCH THỰC VẬT
(2005)**

Ban thư ký Công ước quốc tế về Bảo vệ thực vật

©BỘ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 2012 (bản tiếng Việt)

©FAO, 1996 - 2012 (bản tiếng Anh)

Bản tiếng Việt được dịch bởi Cục Bảo vệ thực vật, Bộ Nông nghiệp và
Phát triển nông thôn

Publication history

This is not an official part of the standard

1994-05 CEPM-1 added topic *Inspection* (1994-006)

1995-05 IPPC secretariat revised draft text

1996-05 CEPM-3 requested review by EPPO

1997-10 CEPM-4 revised draft text

1998-05 CEPM-5 revised draft text and approved for MC

1999-05 CEPM-6 discussed draft text and agreed redrafting by EWG

2001-04 ICPM-3 noted high priority topic under pending

2002-03 ICPM-4 noted high priority topic to be completed draft

2003-04 ICPM-5 noted high priority topic under development

2004-03 EWG developed draft text

2004-04 SC revised draft text and approved for MC (2004-026*)

2004-06 Sent for MC

2004-11 SC revised draft text for adoption

2005-04 ICPM-7 adopted standard

ISPM 23. 2005. *Guidelines for inspection*. Rome, IPPC, FAO. Publication history: Last modified August 2011

MỤC LỤC

Phê chuẩn	4
GIỚI THIỆU.....	4
Phạm vi áp dụng	4
Tài liệu tham khảo.....	4
MỤC ĐÍCH YÊU CẦU	6
YÊU CẦU	6
1. Yêu cầu chung.....	6
1.1 Mục đích kiểm tra	6
1.2. Các giả định tham gia vào việc áp dụng các biện pháp kiểm tra.....	7
1.3 Trách nhiệm kiểm tra.....	8
1.4. Yêu cầu đối với cán bộ kiểm tra (Cán bộ KDTV)	8
1.5 Những xem xét khác đối với việc kiểm tra	8
2. Những yêu cầu cụ thể	10
2.1 Kiểm tra các tài liệu liên quan đến chuyến hàng.....	10
2.2 Xác minh tình trạng và tình toàn vẹn của chuyến hàng	11
2.3. Kiểm tra cảm quan	11
2.3.1. Dịch hại	11
2.3.2. Tuân thủ các yêu cầu KDTV.....	12
2.4. Các phương pháp kiểm tra	12
2.5. Kết quả kiểm tra	13
2.6. Soát xét hệ thống kiểm tra	14
2.7. Sự minh bạch.....	14

Phê chuẩn

Tiêu chuẩn này được thông qua tại phiên họp lần thứ 7 của Ủy ban Lâm thời về các biện pháp kiểm dịch thực vật, tháng 4 năm 2005.

GIỚI THIỆU

Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này mô tả quy trình kiểm tra chuyển hàng thực vật, sản phẩm thực vật và những vật thể khác thuộc diện kiểm dịch thực vật (KDTV) xuất khẩu và nhập khẩu. Tiêu chuẩn tập trung xác định sự tuân thủ các yêu cầu KDTV dựa trên phương pháp kiểm tra bằng cảm quan,

kiểm tra giấy tờ và kiểm tra tình trạng và tính vẹn toàn của lô vật thể.

Tài liệu tham khảo

IPPC. 1997. *Công ước quốc tế về Bảo vệ thực vật*. Rome, IPPC, FAO.

ISPM 1. 1993. *Các nguyên tắc KDTV trong thương mại quốc tế*. Rome, IPPC, FAO. [công bố 1995] [sửa đổi; này là ISPM số 1: 2006]

ISPM 5. *Thuật ngữ kiểm dịch thực vật*. Rome, IPPC, FAO.

ISPM 7. 1997. *Hệ thống chứng nhận xuất khẩu*. Rome, IPPC, FAO.

ISPM 8. 1998. *Xác định vùng không nhiễm dịch hại*. Rome, IPPC, FAO.

ISPM 9. 1998. *Hướng dẫn chương trình diệt trừ dịch hại*. Rome, IPPC, FAO.

ISPM 11. 2004. *Phân tích nguy cơ dịch hại đối với dịch hại KDTV, bao gồm phân tích nguy cơ về môi trường và sinh vật sống biến đổi gen*. Rome, IPPC, FAO.

ISPM 12. 2001. *Hướng dẫn đối với giấy chứng nhận KDTV*. Rome, IPPC, FAO.

ISPM 13. 2001. *Hướng dẫn thông báo trường hợp không tuân thủ và hành động khẩn cấp*. Rome, IPPC, FAO.

ISPM 14. 2002. *Sử dụng phương pháp hệ thống trong biện pháp tổng hợp để quản lý nguy cơ dịch hại*. Rome, IPPC, FAO.

ISPM 15. 2002. *Hướng dẫn quy định vật liệu đóng gói bằng gỗ trong*

thương mại quốc tế. Rome, IPPC, FAO. [revised; now ISPM 15:2009]

ISPM 16. 2002. *Dịch hại thuộc diện điều chỉnh nhưng không phải dịch hại KDTV: Khái niệm và áp dụng*. Rome, IPPC, FAO.

ISPM 19. 2003. *Hướng dẫn về danh mục dịch hại thuộc diện điều chỉnh*. Rome, IPPC, FAO.

ISPM 20. 2004. *Hướng dẫn về hệ thống quy định KDTV nhập khẩu*. Rome, IPPC, FAO.

ISPM 21. 2004. *Hướng dẫn phân tích nguy cơ dịch hại đối với dịch hại thuộc diện điều chỉnh*. Rome, IPPC, FAO.

Thuật ngữ định nghĩa

Định nghĩa các thuật ngữ kiểm dịch thực vật sử dụng trong tiêu chuẩn này tham khảo trong ISPM số 5 (*Thuật ngữ kiểm dịch thực vật*).

MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

NPPO có trách nhiệm kiểm tra các chuyến hàng thực vật, sản phẩm thực vật trong quá trình vận chuyển quốc tế; kiểm tra các vật thể thuộc diện KDTV tại địa điểm thích hợp nhằm ngăn chặn sự du nhập và/hoặc lan rộng dịch hại (Điều IV.2c, IPPC).

Cán bộ KDTV kiểm tra việc thực thi các yêu cầu KDTV, thông qua kiểm tra thực tế để phát hiện dịch hại trên vật thể thuộc diện KDTV, kiểm tra các giấy tờ liên quan, kiểm tra hàng hóa và niêm phong. Kết quả kiểm tra cho phép cán bộ KDTV đưa ra các quyết định: chấp nhận, trì hoãn hoặc từ chối nhập khẩu chuyến hàng hoặc có thể yêu cầu các biện pháp giám định bổ sung.

NPPO có thể quyết định chuyến hàng cần được lấy mẫu trong quá trình kiểm tra. Phương pháp lấy mẫu phụ thuộc vào các đối tượng kiểm tra cụ thể.

YÊU CẦU

1. Yêu cầu chung

Trách nhiệm của NPPO là "Kiểm tra các chuyến hàng thực vật và các sản phẩm thực vật lưu thông trong vận chuyển quốc tế, nếu cần, kiểm tra các vật thể thuộc diện KDTV khác, đặc biệt là với các đối tượng để ngăn chặn sự du nhập và/hoặc lây lan của dịch hại"(Điều IV.2c của IPPC)

Chuyến hàng có thể bao gồm một hoặc nhiều loại hàng hóa hoặc lô hàng. Khi chuyến hàng có nhiều hơn một loại hàng hóa hoặc lô hàng thì việc kiểm tra để xác định sự tuân thủ các yêu cầu KDTV, có thể gồm một số kiểm tra trực quan riêng biệt. Trong tiêu chuẩn này, thuật ngữ "chuyến hàng" được hiểu là để áp dụng cho các chuyến hàng hoặc từng lô hàng riêng rẽ trong chuyến hàng

1.1 Mục đích kiểm tra

Mục đích kiểm tra chuyến hàng để khẳng định sự tuân thủ các yêu cầu KDTV xuất khẩu hoặc nhập khẩu liên quan đến dịch hại KDTV hoặc dịch hại thuộc diện điều chỉnh nhưng không phải dịch hại KDTV. Việc kiểm tra nhằm xác minh tính hiệu quả của các biện pháp KDTV đã được thực hiện trước đó.

Việc kiểm tra KDTV xuất khẩu có thể đảm bảo chuyến hàng đã đáp ứng

được những yêu cầu cụ thể mà nước nhập khẩu đưa ra tại thời điểm kiểm tra. Việc kiểm tra KDTV chuyển hàng xuất khẩu nhằm kiểm tra những thông tin ghi trên giấy chứng nhận KDTV trong trường hợp nghi vấn.

Việc kiểm tra KDTV nhập khẩu để xác minh sự tuân thủ các yêu cầu KDTV nhập khẩu. Việc kiểm tra này có thể được tiến hành một cách tổng thể nhằm phát hiện các sinh vật mà nguy cơ của chúng về mặt KDTV chưa được xác định.

Việc thu mẫu để giám định trong phòng thí nghiệm hoặc để phân loại dịch hại cũng có thể phối hợp chung với quy trình kiểm tra KDTV nêu trên.

Việc kiểm tra KDTV có thể được áp dụng như một quy trình quản lý nguy cơ.

1.2. Các giả định tham gia vào việc áp dụng các biện pháp kiểm tra

Việc kiểm tra toàn bộ các chuyến hàng có thể không thực hiện được, vì thế kết quả kiểm tra KDTV thường dựa trên kết quả kiểm tra mẫu¹.

Việc kiểm tra KDTV để phát hiện sự có mặt của dịch hại hoặc để xác định hoặc xác nhận mức độ nhiễm dịch hại của một chuyến hàng trên cơ sở các giả định sau:

- Dịch hại cần quan tâm, hoặc những dấu hiệu hoặc triệu chứng của chúng có thể phát hiện được bằng qua kiểm tra trực quan
- Kiểm tra là hoạt động thiết thực
- Đã ghi nhận khả năng một số loài dịch hại chưa phát hiện được

Có khả năng một số loài dịch hại chưa phát hiện được trong khi kiểm tra. Đó là do kết quả kiểm tra chỉ dựa vào số mẫu chứ không kiểm tra trực quan với toàn bộ chuyến hàng hoặc lô hàng, hoặc do việc kiểm tra phát hiện dịch hại trên chuyến hàng hoặc mẫu không đạt được hiệu quả 100%. Khi kiểm tra theo quy trình quản lý nguy cơ thì vẫn có khả năng dịch hại tồn tại trong chuyến hàng hoặc lô hàng mà không thể phát hiện được.

Lượng mẫu kiểm tra thường được xác định dựa trên cơ sở những dịch hại thuộc diện điều chỉnh liên quan đến hàng hóa cụ thể. Việc xác định lượng

¹ Hướng dẫn lấy mẫu sẽ cung cấp trong tiêu chuẩn khác [ISPM 31:2008]

mẫu có thể gặp khó khăn trong trường hợp nơi kiểm tra chuyển hàng là mục tiêu của một vài hoặc tất cả dịch hại thuộc diện điều chỉnh.

1.3 Trách nhiệm kiểm tra

NPPO có trách nhiệm kiểm tra. Việc kiểm tra được thực hiện bởi NPPO hoặc dưới sự ủy quyền của cơ quan này (xem phần 3.1. của ISPM số 7:1997; và phần 5.1.5.2. của ISPM số 20: 2004; Điều IV. 2a, IV. 2c và V.2a của IPPC).

1.4. Yêu cầu đối với cán bộ kiểm tra (Cán bộ KDTV)

Cán bộ được ủy quyền hoặc đại diện cho NPPO cần phải:

- Căn cứ vào chức năng và quyền hạn để thực hiện nhiệm vụ
- Có trình độ chuyên môn và năng lực, đặc biệt là trong việc phát hiện dịch hại
- Được trang bị kiến thức, khả năng xác định, phân loại dịch hại, thực vật, sản phẩm thực vật và các loại vật thể khác thuộc diện KDTV
- Biết sử dụng các dụng cụ, máy móc và thiết bị để phục vụ việc kiểm tra KDTV
- Có các văn bản hướng dẫn (như các quy định, hướng dẫn sử dụng dữ liệu về dịch hại)
- Có hiểu biết về hoạt động của các cơ quan có liên quan
- Khách quan và công bằng.

Cán bộ KDTV có thể yêu cầu kiểm tra chuyển hàng để xác minh:

- Sự tuân thủ những yêu cầu cụ thể về xuất khẩu hoặc nhập khẩu
- Dịch hại thuộc diện điều chỉnh cụ thể
- Các sinh vật có nguy cơ KDTV nhưng chưa được xác định.

1.5 Những xem xét khác đối với việc kiểm tra

Quyết định kiểm tra như một biện pháp KDTV liên quan đến việc xem xét nhiều yếu tố, bao gồm cả những yêu cầu KDTV của nước nhập khẩu và các dịch hại cần quan tâm. Ngoài ra còn các yếu tố khác cần xem xét như:

- Giảm nhẹ các biện pháp được thực hiện bởi nước xuất khẩu
- Kiểm tra không chỉ là biện pháp duy nhất mà còn phối hợp với các biện pháp khác
- Chung loại hàng hóa và mục đích sử dụng
- Nơi /vùng sản xuất
- Kích thước và cách sắp xếp của chuyến hàng
- Thẻ tích, tần suất và thời gian xếp dỡ hàng hoá;
- Thời gian tại nước xuất xứ/vận chuyển
- Phương tiện vận chuyển và bao gói
- Khả năng kỹ thuật và nguồn lực tài chính (bao gồm cả khả năng chẩn đoán dịch hại);
- Việc xử lý và chế biến trước đó
- Việc lấy mẫu dựa theo các đặc tính cần thiết để đạt được mục tiêu kiểm tra
- Khó khăn trong việc phát hiện dịch hại trên một loại hàng hóa cụ thể
- Kinh nghiệm và kết quả kiểm tra trước đây
- Hàng hóa mau hỏng (xem Điều VII.2e, IPPC)
- Hiệu quả của quy trình kiểm tra.

1.6 Kiểm tra liên quan đến PRA

PRA cung cấp các cơ sở về mặt kỹ thuật đối với các yêu cầu KDTV nhập khẩu. Việc PRA cung cấp cơ sở cho việc xây dựng danh mục dịch hại thuộc diện điều chỉnh cần áp dụng các biện pháp KDTV và nhận dạng chúng để kiểm tra thích hợp và/ hoặc xác định hàng hoá là đối tượng kiểm tra. Nếu những dịch hại mới được ghi nhận trong quá trình kiểm tra thì biện pháp khẩn cấp có thể được áp dụng một cách thích hợp. Khi hành động khẩn cấp được thực hiện, quy trình PRA sẽ được sử dụng để đánh giá những dịch hại này và đề xuất những hành động tiếp theo.

Khi việc kiểm tra được xem như một sự lựa chọn của việc quản lý nguy cơ dịch hại và là cơ sở để quyết định các biện pháp KDTV thì điều quan trọng là phải xem xét yếu tố kỹ thuật và điều hành khả thi liên quan đến kiểu và

mức độ kiểm tra. Việc kiểm tra đó có thể được yêu cầu để phát hiện những dịch hại thuộc diện điều chỉnh xác định ở mức độ mong muốn và độ tin cậy tùy thuộc vào nguy cơ của chúng (xem ISPM số 11:2004 và ISPM số 21:2004)

2. Những yêu cầu cụ thể

Các yêu cầu kỹ thuật để kiểm tra liên quan đến ba quy trình riêng biệt, phải đảm bảo tính chính xác về mặt kỹ thuật và cũng như các thao tác thực hành. Các quy trình đó bao gồm:

- Kiểm tra hồ sơ giấy tờ liên quan đến chuyến hàng
- Xác minh tình trạng và tình toàn vẹn của chuyến hàng
- Kiểm tra trực quan đối với dịch hại và các yêu cầu KDTV khác (ví dụ: sạch đất).

Các tiêu chí kiểm tra có thể khác nhau tùy theo mục đích (ví dụ: để xuất khẩu/nhập khẩu/hoặc để xác minh / hay quản lý dịch hại).

2.1 Kiểm tra các tài liệu liên quan đến chuyến hàng

Các giấy tờ xuất nhập khẩu được kiểm tra để đảm bảo chúng:

- Hoàn chỉnh
- Phù hợp
- Chính xác
- Hợp lệ và không gian lận(xem phần1.4 của ISPM 12:2001)

Ví dụ các giấy tờ có thể liên quan đến việc chứng nhận nhập khẩu, xuất khẩu bao gồm:

- Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu/ tái xuất khẩu
- Bản kê khai hàng hóa (bao gồm vận đơn, hóa đơn)
- Giấy phép nhập khẩu
- Tài liệu/ giấy chứng nhận xử lý, hoặc dấu khử trùng (ví dụ: xem thêm ISPM số 15:2002) hoặc các biện pháp xử lý khác
- Giấy chứng nhận xuất xứ
- Báo cáo/Giấy chứng nhận kiểm tra đồng ruộng
- Các hồ sơ về nhà sản xuất/ bao gói;

- Các tài liệu về các chương trình chứng nhận (ví dụ: chương trình chứng nhận khoai tây giống, vùng không nhiễm dịch hại...);
- Các báo cáo về việc kiểm tra
- Hóa đơn thương mại
- Báo cáo trong phòng thí nghiệm.

Đối với những vấn đề gặp phải liên quan đến giấy tờ nhập khẩu hoặc xuất khẩu, việc điều tra bên cấp giấy tờ sẽ được thực hiện trước khi triển khai các hoạt động tiếp theo ở nơi có thể.

2.2 Xác minh tình trạng và tính toàn vẹn của chuyến hàng

Việc kiểm tra danh tính và tính vẹn toàn của chuyến hàng để đảm bảo những chuyến hàng này phù hợp với các giấy tờ liên quan. Việc kiểm tra tình trạng để xác minh thực vật, sản phẩm thực vật hoặc là loài thực vật đó có phù hợp với giấy chứng nhận KDTV hay không. Việc kiểm tra tính vẹn toàn của chuyến hàng để xác minh chuyến hàng đó có rõ ràng về khối lượng và tình trạng được ghi trong giấy chứng nhận KDTV hay không. Có thể phải kiểm tra cơ học đối với chuyến hàng để khẳng định tính đồng nhất và nguyên vẹn, gồm cả kiểm tra niêm phong, điều kiện an toàn và các tiêu chí kiểm tra khác như việc bốc xếp hàng hóa liên quan đến lĩnh vực KDTV.

2.3. Kiểm tra cảm quan

Việc kiểm tra này được áp dụng để phát hiện dịch hại và xác minh sự tuân thủ các yêu cầu về KDTV.

2.3.1. Dịch hại

Mẫu được lấy từ chuyến hàng hoặc lô hàng để xác định sự có mặt của dịch hại, hoặc liệu dịch hại có vượt quá một mức cụ thể hay không. Khả năng phát hiện sự có mặt của một loài dịch hại thuộc diện điều chỉnh với độ tin cậy mong muốn đòi hỏi phải xem xét số liệu thống kê và thực tế, như khả năng phát hiện dịch hại, kích thước lô hàng, độ tin cậy mong muốn, lượng mẫu và số lần kiểm tra (xem ISPM về lấy mẫu).

Nếu mục tiêu của việc kiểm tra là phát hiện những dịch hại thuộc diện điều chỉnh cụ thể để đáp ứng với các yêu cầu KDTV nhập khẩu thì khi đó phương pháp lấy mẫu phải dựa trên khả năng

phát hiện dịch hại và thỏa mãn các yêu cầu KDTV.

Nếu mục tiêu của việc kiểm tra là để xác minh những điều kiện KDTV chung của một lô/chuyến hàng, ví dụ như trong các trường hợp:

- Không xác định được dịch hại thuộc diện điều chỉnh
- Không có mức dịch hại cụ thể nào được xác định đối với dịch hại thuộc diện điều chỉnh
- Mục đích phát hiện dịch hại khi biện pháp KDTV không hiệu quả thì phương pháp lấy mẫu sẽ phản ánh được điều này.

Phương pháp lấy mẫu được chấp nhận cần phải dựa trên sự minh bạch về mặt kỹ thuật, tiêu chuẩn hoạt động, đồng thời phải được áp dụng thống nhất(xem thêm ISPM số 20:2004).

2.3.2. Tuân thủ các yêu cầu KDTV

Việc kiểm tra có thể dùng để xác minh sự tuân thủ một số yêu cầu KDTV như:

- Xử lý
- Mức độ chế biến
- Không bị nhiễm bẩn (ví dụ: lá, đất)
- Yêu cầu về giai đoạn phát triển, giống, màu sắc, tuổi và độ thành thực của thực vật
- Không có những thực vật, sản phẩm thực vật hoặc vật thể thuộc diện KDTV bị cấm
- Các yêu cầu về bao gói và vận chuyển chuyến hàng
- Nơi xuất xứ của lô/chuyến hàng/ các lô hàng
- Cửa khẩu nhập.

2.4. Các phương pháp kiểm tra

Phương pháp kiểm tra phải được áp dụng để phát hiện những dịch hại thuộc diện điều chỉnh cụ thể ở trên/trong hàng hoá hoặc dùng để kiểm tra các sinh vật có nguy cơ KDTV nhưng chưa xác định được. Cán bộ KDTV kiểm tra bằng cảm quan các mẫu để xác định dịch hại cho tới khi phát hiện được dịch hại cần kiểm tra hoặc dịch hại khác thì có thể dừng việc kiểm tra. Tuy nhiên, một số mẫu bổ sung có thể được kiểm tra trong trường hợp NPPO cần thu thập thêm thông tin liên quan đến dịch hại và hàng hoá, ví dụ: nếu dịch hại đó chưa phát hiện được nhưng quan sát thấy dấu hiệu

hoặc triệu chứng gây hại của chúng. Trong quá trình kiểm tra, cán bộ KDTV cũng có thể sử dụng các phương pháp khác kết hợp với quy trình kiểm tra.

Điều quan trọng là:

- Việc kiểm tra mẫu được tiến hành ngay sau khi mẫu được lấy ra, như vậy mẫu sẽ đại diện cho chuyến hàng hoặc lô hàng
- Các kỹ thuật kiểm tra cần phải được kết hợp giữa kinh nghiệm và những kỹ thuật mới
- Các thủ tục được đưa vào để đảm bảo tính độc lập, nguyên vẹn, để theo dõi và an toàn cho mẫu đối với từng chuyến hàng/lô hàng;
- Kết quả kiểm tra được thể hiện bằng tài liệu.

Quy trình kiểm tra cần phải phù hợp và thống nhất với quy trình PRA nếu có thể

2.5. Kết quả kiểm tra

Kết quả kiểm tra sẽ quyết định chuyến hàng có đáp ứng các yêu cầu KDTV hay không. Nếu thoả mãn được các yêu cầu về KDTV thì những chuyến hàng xuất khẩu sẽ nhận được chứng nhận phù hợp (ví dụ: Giấy chứng nhận KDTV), còn những chuyến hàng nhập khẩu sẽ được giải phóng.

Nếu yêu cầu kiểm dịch thực vật không được đáp ứng, hành động tiếp theo có thể được thực hiện. Những hành động này có thể được xác định theo thực chất kết quả nghiên cứu, xem xét các dịch hại thuộc diện điều chỉnh hoặc các mục tiêu kiểm tra khác, và các trường hợp. Hành động không tuân thủ được mô tả chi tiết trong ISPM số 20:2004, phần 5.1.6.

Trong nhiều trường hợp, dịch hại hoặc các dấu hiệu của dịch hại bị phát hiện có thể cần được xác định hoặc phân tích cụ thể trong phòng thí nghiệm hoặc tham khảo ý kiến của các chuyên gia trước khi đưa ra quyết định về tình trạng KDTV của chuyến hàng. Việc áp dụng các biện pháp khẩn cấp có thể là cần thiết đối với dịch hại mới hoặc chưa được ghi nhận. Sử dụng hệ thống sổ sách, lưu mẫu hoặc tiêu bản để truy cứu chuyến hàng liên quan và rà soát lại kết quả khi thấy cần thiết.

Trong trường hợp tái vi phạm không tuân thủ, việc kiểm tra những chuyến hàng này phải được tiến hành thường xuyên và nghiêm ngặt hơn.

Khi một loài dịch hại được phát hiện trong quá trình nhập khẩu, việc báo

cáo kiểm tra phải chi tiết đầy đủ để thông báo việc không tuân thủ đó (theo quy định tại ISPM số 13:2001). Những yêu cầu lưu trữ hồ sơ khác có thể dựa vào sự sẵn có của các báo cáo kiểm tra đã được hoàn tất một cách đầy đủ (như mô tả trong Điều VII và VIII của IPPC, ISPM 8:1998 và ISPM số 20:2004).

.2.6. Soát xét hệ thống kiểm tra

NPPO phải xem xét định kỳ hệ thống kiểm tra nhập khẩu và xuất khẩu để đánh giá sự phù hợp của hệ thống và xác định tiến trình điều chỉnh cần thiết đảm bảo tính kỹ thuật.

Việc kiểm tra theo dõi sổ sách (bao gồm cả việc kiểm tra bổ sung) nhằm xem xét lại giá trị pháp lý của hệ thống kiểm tra.

2.7. Sự minh bạch

Minh bạch là một phần của quy trình kiểm tra, thông tin liên quan đến các quy trình kiểm tra phải được chứng minh bằng tài liệu và sẵn có theo yêu cầu của các bên liên quan theo nguyên tắc minh bạch (ISPM số 1:1993). Thông tin này có thể là một phần của các hiệp định song phương, bao gồm những khía cạnh KDTV đối với việc buôn bán trao đổi hàng hóa.